

Dự thảo

QUY CHẾ

Quản lý tài chính của Đại học Quốc gia Hà Nội

(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHQGHN ngàytháng.....năm 2026
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định các nguyên tắc, cơ chế và trách nhiệm trong công tác quản lý, sử dụng nguồn tài chính tại Đại học Quốc gia Hà Nội (sau đây viết tắt là ĐHQGHN).

2. Quy chế này áp dụng đối với:

a) Quy chế này áp dụng đối với các trường đại học thành viên, viện nghiên cứu thành viên, trường thuộc và các đơn vị trực thuộc ĐHQGHN (sau đây gọi chung là các đơn vị thành viên, thuộc và trực thuộc);

b) Đối với các tổ chức, cá nhân không thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản này, hoặc trong trường hợp phát sinh các nội dung chưa được đề cập trong Quy chế, Giám đốc ĐHQGHN căn cứ quy định của pháp luật hiện hành, tình hình thực tế và đề nghị của các ban chức năng, đơn vị thành viên, thuộc và trực thuộc để xem xét, quyết định việc áp dụng tương tự hoặc phê duyệt các nội dung cụ thể, bảo đảm hiệu quả trong công tác quản lý tài chính.

Điều 2. Mục đích xây dựng quy chế

1. Xác lập khung pháp lý và cơ chế quản lý tài chính thống nhất, đồng bộ trong toàn hệ thống ĐHQGHN; bảo đảm tính công khai, minh bạch và tuân thủ các quy định của pháp luật. Quy chế tài chính hướng tới mục tiêu quản trị: **“Kiến tạo - Tự chủ - Hiệu quả - Minh bạch”**.

2. Đẩy mạnh phân cấp quản lý, thực hiện quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm về tài chính của các đơn vị thành viên, thuộc và trực thuộc; nâng cao tính chủ động, linh hoạt gắn với trách nhiệm giải trình của người đứng đầu đơn vị¹.

3. Tối ưu hóa việc huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính; thúc đẩy cơ chế điều tiết, chia sẻ nguồn lực nội bộ và ứng dụng chuyển đổi số trong quản trị tài chính.

4. Bảo đảm quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đúng quy định; tạo cơ chế đa dạng hóa các nguồn thu hợp pháp từ hoạt động dịch vụ, hợp tác và chuyển giao công

¹ Nghị Quyết số 620-NQ/ĐU ngày 11/5/2026 của Đảng ủy Đại học Quốc gia Hà Nội về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong hệ thống Đại học Quốc gia Hà Nội.

nghệ nhằm hướng tới mục tiêu phát triển tài chính bền vững. Ngân sách nhà nước chi thường xuyên chuyển dịch theo hướng tập trung hỗ trợ trực tiếp cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học cơ bản, phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

5. Thiết lập hệ thống công cụ lập kế hoạch, giám sát và kiểm tra nội bộ hiệu quả nhằm phòng ngừa rủi ro, bảo đảm kỷ cương tài chính và hỗ trợ thực hiện thành công các mục tiêu chiến lược của ĐHQGHN.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý tài chính

1. Tất cả hoạt động tài chính, kế toán tại ĐHQGHN phải tuân thủ quy định của pháp luật về tài chính - kế toán, trừ những nội dung được Thủ tướng cho phép thực hiện theo cơ chế, chính sách đặc thù.

2. Thực hiện quản lý tài chính tập trung, thống nhất trong toàn hệ thống ĐHQGHN; bảo đảm tính hữu cơ, đồng bộ và hiệu quả trong việc huy động, điều phối và sử dụng các nguồn lực.

3. Áp dụng mô hình quản trị “Quy chế khung - Vận hành phân cấp”. Các đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc thực hiện quyền tự chủ tài chính gắn với trách nhiệm giải trình và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các quyết định trong phạm vi phân cấp.

4. Mọi hoạt động thu, chi tài chính phải được thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ; được lập dự toán và phê duyệt bởi cấp có thẩm quyền. Toàn bộ các khoản thu, chi phải được hạch toán đầy đủ, kịp thời, minh bạch vào hệ thống sổ sách kế toán của đơn vị theo chế độ kế toán hiện hành.

5. Quản lý, sử dụng tài sản công và khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản phải tuân thủ các tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định; bảo đảm nguyên tắc hiệu quả, công khai, minh bạch và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

6. Thực hiện cơ chế chia sẻ nguồn lực nội bộ (bao gồm tài chính, nhân lực, cơ sở vật chất, hạ tầng số và dữ liệu dùng chung) nhằm tối ưu hóa lợi ích toàn hệ thống ĐHQGHN. Các đơn vị sử dụng hạ tầng và nền tảng dùng chung có trách nhiệm đóng góp chi phí vận hành và tái đầu tư theo cơ chế điều tiết của ĐHQGHN.

7. Bảo đảm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước và trách nhiệm đóng góp về ĐHQGHN để thực hiện các nhiệm vụ chung và các dự án trọng điểm theo quy định.

8. Mọi chi phí phát sinh đều gắn liền với trách nhiệm của đơn vị quản lý, sử dụng. Các khoản chi phí phải được tính đúng, tính đủ, minh bạch và công khai.

9. Các Trường thuộc ĐHQGHN không có tư cách pháp nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Giáo dục đại học năm 2025 thực hiện quản lý tài chính, tài sản theo phân cấp quản lý của ĐHQGHN và ủy quyền của Giám đốc ĐHQGHN.

10. Gắn kết giữa quản lý tài chính với việc thực hiện các mục tiêu chiến lược của ĐHQGHN; bảo đảm nguồn lực nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và từng bước cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, viên chức và người lao động.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý tài sản số

Hạ tầng số và các nền tảng quản trị dùng chung trong công tác quản lý kế toán, kế hoạch, tài chính, tài sản của ĐHQGHN và các đơn vị thành viên, thuộc và trực thuộc được xác định là tài sản công đặc thù của ĐHQGHN, được ưu tiên đầu tư tập trung; do Trung tâm Quản trị Đại học số quản lý, vận hành kỹ thuật và bảo trì.

Điều 5. Căn cứ xây dựng quy chế

1. Luật Giáo dục đại học ngày 10 tháng 12 năm 2025.
2. Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.
3. Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn thi hành.
4. Nghị định số 201/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của đại học quốc gia.
5. Các quy định của Nhà nước về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và chế độ kế toán hiện hành.
6. Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và chiến lược phát triển của ĐHQGHN.

Điều 6. Nội dung quy chế

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của ĐHQGHN và các đơn vị thành viên, đơn vị thuộc và trực thuộc trong công tác quản lý tài chính.
2. Cơ chế tự chủ, quản lý và sử dụng nguồn tài chính, tài sản.
3. Cơ chế quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.
4. Lập và chấp hành dự toán Ngân sách nhà nước.
5. Kế toán, kiểm toán và quyết toán Ngân sách nhà nước.
6. Khen thưởng, xử lý vi phạm trong quản lý tài chính.

Điều 7. Giải thích từ ngữ

Trong quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Quản lý tài chính* là việc quản lý nội bộ về các nguồn tài chính và tại ĐHQGHN, bao gồm việc quản lý nguồn thu, quản lý hoạt động chi tiêu và quản lý vốn, quỹ.

2. *Dự toán ngân sách* là bảng dự trù, tính toán các khoản thu và các khoản chi của đơn vị thực hiện trong một năm được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật để thực hiện trong năm ngân sách.

3. *Kế hoạch tài chính* là tài liệu bao gồm các kế hoạch thu và kế hoạch chi phản ánh toàn diện hoạt động của đơn vị thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định (kế hoạch hằng năm, kế hoạch 03 năm và kế hoạch 05 năm).

4. *Vốn đầu tư công* bao gồm vốn NSNN chi cho đầu tư công; vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật.²

5. *Chi đầu tư phát triển* là nhiệm vụ chi của NSNN, gồm chi đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công và nhiệm vụ chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.³

6. *Viện trợ thuộc nguồn thu NSNN* là các khoản viện trợ có đối tượng tiếp nhận theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.⁴

7. *Tài sản* bao gồm tài sản do nhà nước giao; tài sản được đầu tư, mua sắm từ NSNN, từ tiền thu hồi khấu hao tài sản cố định, nguồn chi phí nghiệp vụ, nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật; tài sản được hình thành từ nguồn vốn vay, vốn huy động, liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật và từ hoạt động kinh doanh, liên doanh, liên kết; tài sản tiếp nhận từ các nguồn hợp pháp khác (tài sản được viện trợ, biếu tặng, tài sản hình thành từ dự án sử dụng vốn nhà nước, tài sản nhận điều chuyển từ các dự án khi kết thúc hoạt động, tài sản nhận điều chuyển từ các tổ chức, cá nhân bên ngoài); tài sản hình thành thông qua việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; tài sản hình thành từ việc thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư (PPP).

8. *Báo cáo tài chính hợp nhất* là báo cáo tài chính do đơn vị kế toán cấp trên lập, được hợp nhất từ số liệu các báo cáo tài chính của các đơn vị kế toán trực thuộc trong cơ cấu tổ chức mà đơn vị kiểm soát hoạt động, nhằm cung cấp thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động, các luồng tiền và các thông tin thuyết minh báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên như là báo cáo tài chính của một đơn vị kế toán độc lập. Báo cáo tài chính hợp nhất do đơn vị kế toán cấp trên lập, được tổng hợp từ báo cáo tài chính riêng của mình (với vai trò là đơn vị kế toán cơ sở) và các đơn vị Thuộc.⁵

9. *Quy chế chi tiêu nội bộ* bao gồm các quy định về chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu áp dụng thống nhất trong đơn vị nhằm sử dụng kinh phí có hiệu quả và tăng cường công tác quản lý, đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao phù hợp với nguồn kinh phí hiện có của đơn vị.

10. *Định mức kinh tế - kỹ thuật* là lượng tiêu hao các yếu tố chi phí về lao động, vật tư, máy móc thiết bị, cơ sở vật chất để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ sự nghiệp công đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

² Theo khoản 24 Điều 4 Luật Đầu tư công năm 2024.

³ Theo khoản 3 Điều 4 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025.

⁴ Theo điểm đ khoản 11 Điều 3 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam.

⁵ Theo khoản 1 Điều 3 Thông tư số 108/2025/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập báo cáo tài chính hợp nhất của đơn vị kế toán hành chính, sự nghiệp.

11. *Đơn vị dự toán cấp I* là đơn vị được Thủ tướng Chính phủ hoặc Ủy ban nhân dân giao dự toán ngân sách.⁶ Đơn vị dự toán cấp I thực hiện phân bổ, giao dự toán NSNN cho đơn vị sử dụng ngân sách thuộc và cấp dưới⁷; chấp hành đúng quy định của pháp luật về kế toán, thống kê; báo cáo, quyết toán ngân sách và công khai ngân sách theo quy định của pháp luật; xét duyệt quyết toán đối với các đơn vị dự toán cấp dưới.⁸

12. *Đơn vị dự toán cấp III* là đơn vị trực tiếp sử dụng ngân sách, được đơn vị dự toán cấp I giao dự toán ngân sách, có trách nhiệm tổ chức, thực hiện công tác kế toán và quyết toán ngân sách của đơn vị và công tác kế toán, quyết toán ngân sách của đơn vị sử dụng ngân sách thuộc (nếu có) theo quy định.

13. *Các đơn vị thành viên* gồm trường đại học thành viên và viện nghiên cứu khoa học thành viên do Thủ tướng Chính phủ thành lập thuộc ĐHQGHN, hoạt động theo các quy định của Nhà nước.⁹

14. *Các đơn vị trực thuộc* gồm văn phòng và các ban chức năng; khoa thuộc ĐHQGHN; trung tâm nghiên cứu khoa học và công nghệ thuộc ĐHQGHN; các tổ chức phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và triển khai ứng dụng; cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ thuộc ĐHQGHN¹⁰; các cơ sở giáo dục đào tạo thuộc ĐHQGHN.

15. *Trường thuộc cơ sở giáo dục đại học*, không có tư cách pháp nhân, được phân cấp quản lý, thực hiện nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.¹¹

16. *Cơ quan chủ quản* là ĐHQGHN (đơn vị được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công).¹²

17. *Chủ chương trình, dự án* là đơn vị được giao chủ trì quản lý chương trình đầu tư công hoặc trực tiếp quản lý hoặc đồng thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi.¹³

18. *Chủ đầu tư* là đơn vị sở hữu vốn, vay vốn hoặc được giao trực tiếp quản lý, sử dụng vốn, quản lý quá trình thực hiện dự án; đơn vị sử dụng ngân sách; đơn vị dự toán trực tiếp sử dụng dự toán mua sắm ngoài NSNN; đơn vị mua sắm tập trung.¹⁴

⁶ Khoản 12 Điều 4 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025.

⁷ Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

⁸ Khoản 4 Điều 33 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025.

⁹ Theo Điều 7 Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên.

¹⁰ Theo Điều 8 Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên.

¹¹ Theo khoản 1, Điều 19, Luật Giáo dục đại học năm 2025.

¹² Theo điểm a khoản 2 Điều 7 Luật sửa đổi Luật Đầu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

¹³ Theo điểm a khoản 2 Điều 7 Luật sửa đổi Luật Đầu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

¹⁴ Theo khoản 8 Điều 3 Nghị định số 114/2021/NĐ-CP.

^{14b} Báo cáo riêng ĐHQGHN bao gồm báo cáo của văn phòng ĐHQGHN và báo cáo các trường thuộc

Điều 8. Chế độ báo cáo

1. ĐHQGHN có trách nhiệm tổng hợp, công khai và báo cáo dự toán, quyết toán ngân sách của các đơn vị trực thuộc; gửi tài liệu, báo cáo đúng thời hạn cho Bộ Tài chính; đồng thời tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện công khai ngân sách theo quy định của pháp luật.

2. Các đơn vị thành viên, thuộc và trực thuộc thực hiện công khai thông tin tài chính, ngân sách trên cổng thông tin điện tử của đơn vị hoặc theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Hằng năm, Giám đốc ĐHQGHN thực hiện báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của Giám đốc ĐHQGHN và Ban Giám đốc trong công tác quản lý, sử dụng tài chính với Đảng ủy ĐHQGHN.

4. Các đơn vị thành viên và trực thuộc có tư cách pháp nhân có trách nhiệm lập báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán hằng năm, trình Thủ trưởng đơn vị hoặc Ban Giám hiệu thông qua trước khi gửi ĐHQGHN.

5. Trong trường hợp cần thiết, theo yêu cầu của ĐHQGHN hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các đơn vị thành viên, thuộc và trực thuộc lập báo cáo đột xuất gửi cho các cơ quan này theo trình tự, thủ tục hướng dẫn hoặc theo quy định của pháp luật.

6. Hệ thống báo cáo tài chính thống nhất trong ĐHQGHN bao gồm:

- a) Báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên và đơn vị trực thuộc;
- b) Báo cáo tài chính riêng của ĐHQGHN¹⁵;
- c) Báo cáo tài chính hợp nhất của ĐHQGHN;
- d) Báo cáo tài chính quản trị của các Trường thuộc (lập và nộp theo yêu cầu quản trị riêng của ĐHQGHN).

Điều 9. Mối quan hệ giữa Quy chế tài chính, Quy chế chi tiêu nội bộ và Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công

1. Căn cứ Quy chế tài chính của ĐHQGHN, Thủ trưởng các đơn vị thành viên và trực thuộc tổ chức xây dựng Quy chế tài chính của đơn vị, báo cáo ĐHQGHN trước khi phê duyệt, ban hành theo quy định. Quy chế tài chính của đơn vị là cơ sở để Thủ trưởng đơn vị ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ và Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của đơn vị. Quy chế tài chính của các Trường thuộc thực hiện theo Quy chế tài chính của ĐHQGHN; trường hợp khác do Giám đốc ĐHQGHN xem xét, quyết định.

2. Quy chế chi tiêu nội bộ được xây dựng nhằm cụ thể hóa Quy chế tài chính về phương diện quản lý hoạt động chi tiêu nội bộ của các đơn vị thành viên, thuộc và trực thuộc.

3. Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của ĐHQGHN và Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các đơn vị thành viên, thuộc và trực thuộc được xây dựng nhằm cụ thể hóa Quy chế tài chính trong quản lý, sử dụng tài sản công tại ĐHQGHN và tại

các đơn vị thành viên, thuộc và trực thuộc; đồng thời phải phù hợp với quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản và các quy định khác có liên quan.

CHƯƠNG II: THẨM QUYỀN QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của ĐHQGHN

1. Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 201/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Đại học Quốc gia và Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

2. Trường hợp khác chưa được quy định tại khoản 1 Điều 10 Quy chế này, ĐHQGHN thực hiện theo các văn bản, quyết định của cấp có thẩm quyền về cơ chế tài chính đặc thù của ĐHQGHN (nếu có).

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc ĐHQGHN

1. Thực hiện theo Luật Giáo dục đại học năm 2025, các quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công, quản lý, sử dụng tài sản công và Nghị định số 201/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Đại học Quốc gia.

2. Ngoài các quy định tại khoản 1 Điều này, Giám đốc ĐHQGHN thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo các văn bản, quyết định của cấp có thẩm quyền về cơ chế tài chính đặc thù của ĐHQGHN (nếu có).

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Tài chính và Đầu tư - ĐHQGHN

Ban Tài chính và Đầu tư là đơn vị thuộc ĐHQGHN, có chức năng tham mưu, giúp việc Giám đốc ĐHQGHN trong công tác kế hoạch; tài chính; kế toán và quản lý, sử dụng tài sản, cơ sở vật chất (nhà, đất đai và vật kiến trúc); quản lý hoạt động đầu tư phát triển ĐHQGHN; công tác quản lý quy hoạch, kiến trúc và đầu tư xây dựng thuộc ĐHQGHN quản lý, thực hiện chức năng quyết định đầu tư đối với các đơn vị chủ đầu tư thuộc ĐHQGHN; quản lý hoạt động dự án đầu tư trong ĐHQGHN. Chức năng, nhiệm vụ, cụ thể của Ban Tài chính được thực hiện theo Quyết định ban hành quy định về chức năng nhiệm vụ của Văn phòng, các ban chức năng của ĐHQGHN.

Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc và Trường thuộc

1. Các đơn vị thành viên, thuộc và trực thuộc có trách nhiệm xây dựng dự toán thu, chi ngân sách hằng năm của đơn vị, báo cáo ĐHQGHN xem xét phê duyệt, giao nhiệm vụ để tổ chức thực hiện.

2. Các đơn vị thành viên và trực thuộc được tự chủ theo quy định hiện hành trong phạm vi nguồn kinh phí thường xuyên đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo dự toán hằng năm của ĐHQGHN; có nhiệm vụ đầu tư xây dựng, quản lý và điều hành cơ

sở vật chất kỹ thuật của đơn vị được giao quản lý theo quy định của pháp luật và của ĐHQGHN.

3. Các đơn vị thành viên là chủ đầu tư đối với các dự án đầu tư sử dụng trong phạm vi đơn vị; mua sắm trang thiết bị, sửa chữa lớn, xây dựng mới, từng bước hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật của đơn vị; thực hiện việc mua sắm tài sản, đầu tư nâng cấp, cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất kỹ thuật của đơn vị bằng nguồn vốn hợp pháp theo quy định của pháp luật và của ĐHQGHN.

4. Xây dựng và tổ chức thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế quản lý, sử dụng tài sản; công tác kiểm toán nội bộ hàng năm phù hợp với phân cấp quản lý và quy định của pháp luật hiện hành.

5. Thủ trưởng đơn vị là chủ tài khoản của các đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc. Chủ tài khoản các đơn vị thành viên và trực thuộc chịu trách nhiệm trước pháp luật và ĐHQGHN về toàn bộ công tác quản lý tài chính, tài sản, sử dụng cơ sở vật chất của đơn vị; thực hiện quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm, công khai, minh bạch về tài chính theo quy định của pháp luật; chấp hành các quy định về kế toán và kiểm toán; nộp báo cáo đúng thời hạn theo quy định của ĐHQGHN. Đối với các trường thuộc, việc quản lý tài khoản và thực hiện các giao dịch tài chính được thực hiện theo cơ chế ủy quyền của Giám đốc ĐHQGHN.

6. Bảo đảm chất lượng dịch vụ sự nghiệp công theo các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

7. Các đơn vị thành viên, thuộc và trực thuộc ĐHQGHN thực hiện chức năng hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có kết quả hoạt động lỗ (hoặc không có lãi) liên tiếp trong 02 năm liền phải có báo cáo giải trình cho ĐHQGHN kèm theo phương án xử lý.

Điều 14. Phân cấp quản lý

1. Nguyên tắc phân cấp:

a) ĐHQGHN thực hiện phân cấp, phân quyền triệt để, tối đa hóa quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm cho Thủ trưởng các đơn vị thành viên, thuộc và trực thuộc; chuyển đổi toàn diện từ cơ chế quản lý hành chính, “tiền kiểm” sang mô hình quản trị kiến tạo và thực hiện hậu kiểm;

b) Thủ trưởng đơn vị được toàn quyền quyết định và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước Giám đốc ĐHQGHN về tính hợp pháp, hiệu quả, bảo đảm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc quản lý, sử dụng các nguồn lực tài chính, tài sản, đầu tư trong phạm vi được phân cấp.

2. Quy định cụ thể về phân cấp thẩm quyền:

Thẩm quyền chi tiết, hạn mức, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện đối với từng lĩnh vực chuyên ngành được thực hiện thống nhất theo văn bản quy định, hướng dẫn phân cấp riêng của ĐHQGHN, bao gồm:

- a) Phân cấp về quản lý dự án đầu tư công: Thực hiện theo Quy định về quản lý dự án đầu tư công của ĐHQGHN;
- b) Phân cấp về cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất: Thực hiện theo Quy định về quản lý cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất của ĐHQGHN;
- c) Phân cấp về mua sắm, quản lý và sử dụng tài sản công: Thực hiện theo Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của ĐHQGHN.

CHƯƠNG III: QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ CƠ CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH VÀ NGÂN SÁCH CỦA ĐHQGHN

Mục 1: CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH VÀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG NGUỒN TÀI CHÍNH

Điều 15. Phân cấp quản lý tài chính

1. Thẩm quyền của ĐHQGHN

- a) Thực hiện chức năng quản trị vĩ mô, điều tiết hệ thống, ban hành quy chế tài chính khung và tổ chức giám sát, hậu kiểm tài chính toàn hệ thống ĐHQGHN;
- b) Phê duyệt chiến lược tài chính trung hạn, dài hạn; xác định phương án tự chủ tài chính tổng thể của toàn hệ thống theo từng giai đoạn; quy định nguyên tắc trích lập, điều tiết các quỹ tập trung cấp ĐHQGHN và huy động nguồn lực chung để thực hiện các nhiệm vụ chiến lược.

2. Thẩm quyền của các trường đại học thành viên, viện nghiên cứu thành viên và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc tự chủ tài chính bao gồm:

- a) Được hạch toán độc lập; tự chủ xây dựng, ban hành các quy chế tài chính chi tiết, quy chế quản lý tài sản công, quy chế tiền lương và chi trả thu nhập tăng thêm phù hợp với quy chế khung của ĐHQGHN và quy định pháp luật;
- b) Tự chủ quyết định sử dụng các nguồn thu hợp pháp; tự chủ xây dựng, phê duyệt định mức kinh tế - kỹ thuật và các đề án dịch vụ khai thác tài sản công của đơn vị; chủ động quyết định mức học phí các chương trình đào tạo theo khung trần và hướng dẫn của ĐHQGHN;
- c) Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Giám đốc ĐHQGHN về hiệu quả sử dụng nguồn lực, bảo đảm cân đối thu – chi và quản trị rủi ro tài chính của đơn vị.

3. Thẩm quyền của các Trường thuộc bao gồm:

- a) Thực hiện cơ chế đơn vị hạch toán phụ thuộc của ĐHQGHN theo quy định của pháp luật về chế độ kế toán hành chính sự nghiệp;
- b) Quản lý, sử dụng tài chính và tài sản theo Quy chế của ĐHQGHN; thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ tài chính theo cơ chế phân cấp chi tiết và ủy quyền bằng văn bản của Giám đốc ĐHQGHN theo từng giai đoạn.

Điều 16. Cơ chế tự chủ tài chính

1. Các đơn vị thành viên và đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật; gắn quyền tự chủ với trách nhiệm giải trình, công khai, minh bạch và chịu sự đánh giá hiệu quả hoạt động thông qua hệ thống chỉ số KPIs, sản phẩm đầu ra.

2. Trường thuộc ĐHQGHN không có tư cách pháp nhân thực hiện cơ chế quản lý tài chính, tài sản theo phân cấp và ủy quyền trực tiếp của Giám đốc ĐHQGHN; được chủ động khai thác, sử dụng nguồn lực trong phạm vi được ủy quyền để phục vụ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học.

3. ĐHQGHN thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập áp dụng cho đơn vị dự toán cấp I và các cơ chế, chính sách đặc thù theo quy định của Thủ tướng Chính phủ (nếu có).

Điều 17. Nguồn tài chính

Nguồn tài chính của ĐHQGHN gồm¹⁵:

1. Nguồn NSNN cấp bao gồm:

a) Kinh phí cung cấp hoạt động dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN, bao gồm cả nguồn NSNN đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo quy định;

b) Kinh phí chi thường xuyên thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ khi được cơ quan có thẩm quyền tuyển chọn hoặc giao trực tiếp theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ;

c) Kinh phí hỗ trợ chi thường xuyên sau khi đơn vị đã sử dụng nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu phí được để lại chỉ để thực hiện nhiệm vụ, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN nhưng chưa bảo đảm chi thường xuyên (đối với nhóm 3);

d) Kinh phí chi thường xuyên thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước giao (nếu có), gồm: Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; kinh phí vốn đối ứng thực hiện các dự án có nguồn vốn nước ngoài theo quyết định của cấp có thẩm quyền; kinh phí thực hiện nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền giao; kinh phí được cơ quan có thẩm quyền giao cho đơn vị sự nghiệp công lập để thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN trong trường hợp chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật và đơn giá để đặt hàng; kinh phí thực hiện các chương trình/kế hoạch/đề án/dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt (đối với nhóm 2);

đ) Kinh phí chi thường xuyên thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước giao (nếu có): Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; kinh phí vốn đối ứng thực hiện các dự án có nguồn vốn nước ngoài theo quyết định của cấp có thẩm quyền; kinh phí

¹⁵ Theo Điều 11, Điều 15 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và khoản 7, khoản 10 Điều 1 Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.

thực hiện nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền giao; kinh phí được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao cho đơn vị sự nghiệp công lập để thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN trong trường hợp chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN; kinh phí thực hiện tinh giản biên chế; kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức theo đề án được duyệt hoặc theo dự toán NSNN bố trí hàng năm; kinh phí thực hiện các chương trình/kế hoạch/đề án/dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt (đối với nhóm 3);

e) NSNN cấp kinh phí cho cơ sở giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp công lập để thực hiện chính sách miễn, giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập và chính sách hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên (nếu có) theo quy định của Nhà nước;

g) Vốn đầu tư phát triển của dự án đầu tư xây dựng cơ bản được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

2. Nguồn thu hoạt động sự nghiệp bao gồm:

a) Thu học phí theo quy định của pháp luật về giáo dục, giáo dục đại học và các quy định của Chính phủ và ĐHQGHN về học phí¹⁶;

b) Thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh gồm: Thu dịch vụ giáo dục đào tạo theo phương thức giáo dục thường xuyên; thu dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn về chuyên môn nghiệp vụ, bổ sung kiến thức, kỹ năng để cấp chứng chỉ, giấy chứng nhận;

c) Thu từ hoạt động liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân theo đúng quy định của pháp luật;

d) Thu từ kinh doanh, cho thuê tài sản.

3. Nguồn vốn vay; vốn viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật.

4. Nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Quản lý, sử dụng nguồn tài chính

1. Quản lý, sử dụng nguồn NSNN

a) Nguồn kinh phí NSNN cấp được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về NSNN và các quy định khác có liên quan;

b) Các nhiệm vụ chi NSNN được bố trí từ hai nguồn chi đầu tư công và chi thường xuyên gồm:¹⁷

- Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, trưng dụng đất; chuẩn bị giải phóng mặt bằng, giải phóng mặt bằng.

- Chi phí chuẩn bị, phê duyệt dự án đầu tư công sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.

- Lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án.

¹⁶ Theo điểm b khoản 1 Điều 30 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.

¹⁷ Theo Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 và Nghị định số 104/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước.

- Mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng.

- Hoạt động quy hoạch.

- Các nhiệm vụ cần thiết khác theo quy định của Chính phủ.

2. Quản lý, sử dụng vốn đầu tư phát triển

a) Vốn đầu tư phát triển được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan;

b) Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư trung hạn, hằng năm được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan;

c) Vốn đầu tư phát triển được sử dụng cho các nội dung sau:

- Đầu tư xây dựng cơ bản cho các chương trình, dự án tại ĐHQGHN theo quy định của pháp luật.

- Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

3. Quản lý, sử dụng nguồn thu hoạt động sự nghiệp

a) Các loại học phí, các khoản thu khác từ hoạt động đào tạo hoặc hỗ trợ hoạt động đào tạo, các khoản thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, v.v... được thực hiện theo quy định của ĐHQGHN và quy định của pháp luật;

b) Các đơn vị có trách nhiệm công khai, giải trình chi phí đào tạo, mức thu học phí, lộ trình tăng học phí; công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng theo quy định; công khai chính sách miễn, giảm học phí và mức thu, miễn giảm học phí; quản lý, sử dụng học phí theo quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính tại đơn vị sự nghiệp công lập và tổng hợp vào báo cáo tài chính hằng năm của đơn vị theo quy định của pháp luật;

c) Hoạt động kinh doanh, cho thuê, khai thác tài sản và liên doanh, liên kết tại các đơn vị thành viên và thuộc phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án, phương án, hồ sơ đề nghị khai thác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị trước khi thực hiện;

4. Quản lý, sử dụng vốn vay, vốn viện trợ, tài trợ: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08/12/2025 của Chính phủ quy định quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam và các quy định khác của pháp luật hiện hành.

5. Quản lý, sử dụng các nguồn thu khác đảm bảo tính công khai, minh bạch, tuân thủ pháp luật trong việc quản lý, sử dụng nguồn thu.

Điều 19. Nhiệm vụ chi thường xuyên giao tự chủ

1. Chi tiền lương và các khoản đóng góp theo tiền lương

a) Đối với đơn vị thành viên và thuộc nhóm 1 và nhóm 2

- Thực hiện chi trả tiền lương theo lương ngạch, bậc, chức vụ, các khoản đóng góp theo lương và các khoản phụ cấp do Nhà nước quy định đối với đơn vị sự nghiệp công lập; chi tiền lương theo hợp đồng lao động (nếu có). Khi Nhà nước điều chỉnh tiền lương, đơn vị tự bảo đảm tiền lương tăng thêm từ nguồn thu của đơn vị, NSNN không cấp bổ sung.

- Hoạch căn cứ tình hình tài chính, thực hiện cơ chế tự chủ tiền lương (bao gồm xác định quỹ tiền lương, chi trả tiền lương cho viên chức và người lao động) theo kết quả hoạt động của đơn vị như doanh nghiệp nhà nước.

b) Đối với đơn vị thành viên và thuộc nhóm 3:

- Áp dụng chế độ tiền lương theo mức lương cơ sở, hệ số tiền lương ngạch, bậc, chức vụ, các khoản đóng góp theo tiền lương và các khoản phụ cấp do Nhà nước quy định đối với đơn vị sự nghiệp công lập; chi tiền lương theo hợp đồng lao động (nếu có).

- Kể từ thời điểm chế độ tiền lương do Chính phủ quy định theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp có hiệu lực thi hành, các đơn vị áp dụng chế độ tiền lương theo vị trí việc làm, chức danh, chức vụ và các khoản đóng góp theo tiền lương theo quy định của Nhà nước đối với đơn vị sự nghiệp công lập; chi tiền công theo hợp đồng vụ việc (nếu có).

c) Nguyên tắc cải cách tiền lương và chi trả thu nhập

ĐHQGHN thực hiện lộ trình thống nhất chi trả tiền lương và thu nhập trong toàn hệ thống theo hướng gắn với vị trí việc làm, năng lực cá nhân và hiệu suất công việc.

Các đơn vị thành viên và trực thuộc có trách nhiệm xây dựng hệ thống chỉ số đánh giá thực hiện công việc (KPI) khoa học, định lượng để làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm và các khoản thưởng.

Cơ chế chi trả phải đảm bảo tính cạnh tranh, công bằng; tạo động lực thu hút và giữ chân đội ngũ cán bộ, nhà khoa học trình độ cao, có đóng góp xuất sắc cho sự phát triển của đơn vị và ĐHQGHN.

2. Chi tiền thưởng: Thực hiện theo chế độ theo quy định của ĐHQGHN và quy định của Nhà nước.

3. Chi thuê chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt:

a) Căn cứ vào nhu cầu thực tế, tính chất phức tạp của nhiệm vụ, khả năng cân đối tài chính và mức giá giao dịch thực tế trên thị trường đối với các công việc tương tự, Thủ trưởng đơn vị quyết định mức thù lao chi trả cho chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt thực hiện nhiệm vụ của đơn vị;

b) Mức chi cụ thể phải được xây dựng dựa trên các tiêu chí đánh giá về trình độ chuyên môn, kết quả đầu ra (sản phẩm khoa học, sản phẩm tư vấn hoặc hiệu quả công việc thực tế) và phải được quy định chi tiết trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị;

c) Trường hợp sử dụng nguồn thu hợp pháp để chi trả, Thủ trưởng đơn vị được quyền quyết định mức chi theo thỏa thuận hợp đồng nhưng phải đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả và chịu trách nhiệm toàn diện trước Giám đốc ĐHQGHN và trước pháp luật về tính hợp lý của mức chi;

d) Trường hợp sử dụng nguồn ngân sách nhà nước, mức chi được thực hiện theo quy định của pháp luật về chế độ chi tiêu ngân sách hiện hành hoặc các quy định về cơ chế tài chính đặc thù của ĐHQGHN do Thủ tướng Chính phủ quy định.

4. Chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý

a) Đối với những nội dung chi đã có định mức kinh tế - kỹ thuật, mức chi theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, căn cứ yêu cầu thực tế, mức giá thực tế trên thị trường và khả năng tài chính, các đơn vị thành viên và thuộc được quyết định mức chi cao hơn (trong trường hợp đơn vị chi từ nguồn thu sự nghiệp, không phải nguồn ngân sách) hoặc bằng hoặc thấp hơn mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị nhưng phải bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ theo quy định Nhà nước;

b) Đối với các nội dung chi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, căn cứ tình hình thực tế, các đơn vị thành viên và thuộc xây dựng mức chi cho phù hợp với nguồn tài chính của đơn vị và phải quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị. Thủ trưởng các đơn vị thành viên và thuộc phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

5. Chi thực hiện công việc, dịch vụ thu phí theo quy định của pháp luật phí, lệ phí; chi thực hiện các hoạt động dịch vụ.

6. Trích lập các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật (nếu có).

7. Chi trả lãi tiền vay theo quy định của pháp luật (nếu có).

8. Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 20. Nhiệm vụ chi thường xuyên không giao tự chủ và chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ¹⁸

1. Chi thường xuyên không giao tự chủ bao gồm:

a) Chi thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước giao được thực hiện theo quy định của pháp luật về NSNN và pháp luật đối với từng nguồn kinh phí;

b) Chi từ nguồn vay nợ, viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật.

2. Chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Đơn vị được cơ quan có thẩm quyền tuyển chọn hoặc giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải thực hiện quản lý và sử dụng kinh phí theo quy định của pháp luật về khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng NSNN.

¹⁸ Theo Điều 13, Điều 17 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP

Điều 21. Cơ cấu chi và chênh lệch thặng dư tối thiểu

1. Cơ cấu chi trong định mức kinh tế - kỹ thuật và phương án giá dịch vụ sự nghiệp công:

Cơ cấu chi tại các đơn vị thành viên, thuộc và trực thuộc bao gồm các thành phần sau đây:

a) Chi phí kiến tạo phát triển hệ thống của ĐHQGHN được phân bổ vào định mức kinh tế – kỹ thuật đối với các hoạt động có thu theo nguyên tắc phù hợp, minh bạch và không trùng lặp. Chi phí kiến tạo phát triển hệ thống của ĐHQGHN bao gồm các khoản chi phục vụ công tác tổ chức bộ máy, điều hành, quản trị, kiểm tra, giám sát và các hoạt động hỗ trợ chung khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và đúng quy định, được xác định trên cơ sở tổng chi phí quản lý thực tế hằng năm, làm căn cứ xây dựng định mức kinh tế – kỹ thuật tại các đơn vị thành viên và trường thuộc và phương án xác định mức thu dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và dịch vụ khác theo quy định;

b) Chi phí hoạt động theo lĩnh vực chuyên môn và dịch vụ sự nghiệp công đặc thù của đơn vị bao gồm toàn bộ chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp hợp lý, hợp pháp để vận hành bộ máy và thực hiện chức năng, nhiệm vụ đặc thù của từng nhóm đơn vị trong mô hình Đại học Quốc gia, được xác định trên nguyên tắc tính đúng, tính đủ, bao gồm:

- Khối ngành đào tạo và bồi dưỡng: Chi phí giảng dạy, học liệu, quản lý người học, thực hành, thực tập, hao mòn tài sản cố định trực tiếp phục vụ đào tạo, phát triển thư viện tri thức số và vận hành hệ thống giảng đường, phòng học chuyên dụng;

- Lĩnh vực khoa học, công nghệ và chuyên gia tri thức: Chi phí triển khai nghiên cứu, vật tư thí nghiệm, bảo hộ sở hữu trí tuệ, thương mại hóa sản phẩm khoa học công nghệ, tổ chức hội nghị khoa học và chi phí quản lý vận hành các phòng thí nghiệm trọng điểm, trung tâm nghiên cứu chuyên sâu;

- Lĩnh vực dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe trực thuộc: Chi phí khám bệnh, chữa bệnh, thuốc, hóa chất, vật tư tiêu hao y tế, kiểm soát nhiễm khuẩn, bảo trì trang thiết bị y tế chuyên dụng và chi phí quản lý vận hành bệnh viện, cơ sở y tế;

- Lĩnh vực dịch vụ công, hỗ trợ phục vụ và hoạt động sản xuất kinh doanh khác: Chi phí giá vốn dịch vụ, chi phí bán hàng, quản lý vận hành ký túc xá, dịch vụ đô thị nội khu và chi phí khai thác, cho thuê tài sản công theo đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Tiền lương, tiền công và các khoản trích theo lương:

- Việc chi trả tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp và thu nhập tăng thêm cho cán bộ quản lý, giảng viên, nghiên cứu viên và người lao động tuân thủ quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và lộ trình cải cách chính sách tiền lương của Nhà nước;

- Tiêu chí chi trả thu nhập căn cứ vào vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp, năng lực chuyên môn, hiệu suất đóng góp thực tế, Quy chế chi tiêu nội bộ và khả năng cân đối tài chính của đơn vị;

2. Chênh lệch Thu - Chi

a) Các đơn vị thành viên, thuộc và trực thuộc thực hiện quản lý tài chính theo nguyên tắc bảo đảm cân đối thu – chi và có chênh lệch thu lớn hơn chi để phục vụ tái đầu tư, phát triển bền vững. Tỷ lệ chênh lệch thu lớn hơn chi tối thiểu trên tổng thu hoạt động hằng năm được xác định như sau:

- Đối với khối đào tạo: Từ 15%-20%;
- Đối với khối dịch vụ, sản xuất kinh doanh: Từ 20%-30%.
- Đối với đơn vị bệnh viện: Từ 1%-5% và thực hiện theo cơ chế tài chính chuyên ngành.

b) Đối với các trường hợp đặc thù khác ngoài quy định tại Khoản này, Giám đốc ĐHQGHN căn cứ vào tình hình thực tế, năng lực tài chính và đề xuất của đơn vị để xem xét, quyết định và quy định cụ thể nhằm bảo đảm vận hành tối ưu cho toàn hệ thống.

Điều 22. Quản lý phân phối kết quả tài chính trong năm

1. Kết thúc năm tài chính, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản thu, chi thường xuyên giao tự chủ, trích khấu hao tài sản cố định, nộp thuế và các khoản nộp NSNN theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi hoạt động thường xuyên giao tự chủ (nếu có), các đơn vị thành viên và thuộc được sử dụng theo thứ tự như sau:

- a) Trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị và Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của ĐHQGHN theo tỷ lệ tối thiểu quy định tại Phụ lục I Quy chế này;
- b) Trích lập Quỹ bổ sung thu nhập;
- c) Trích lập Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi;
- d) Trích lập quỹ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành;
- đ) Phần chênh lệch thu lớn hơn chi còn lại (nếu có) sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định được bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp;

2. Sử dụng các quỹ

- a) Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị

Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị được hình thành từ kết quả phân phối chênh lệch thu lớn hơn chi hằng năm theo tỷ lệ quy định chi tiết tại Phụ lục I Quy chế này.

Việc sử dụng Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị thực hiện theo đúng quy định tại Điểm c Khoản 9 Điều 1 Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Đầu năm tài chính, các đơn vị thành viên, thuộc và trực thuộc có trách nhiệm lập kế hoạch sử dụng Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của năm đó, trình ĐHQGHN phê duyệt trước khi tổ chức triển khai thực hiện.

Trường hợp số dư Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị vượt quá 02 lần mức trích khấu hao và hao mòn tài sản cố định hằng năm mà đơn vị không có nhu cầu sử dụng để đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị thì phải thực hiện nộp ngân sách nhà nước đối với số dư quỹ này theo quy định của pháp luật.

b) Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của ĐHQGHN

Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của ĐHQGHN được hình thành từ kết quả phân phối chênh lệch thu lớn hơn chi hằng năm của các đơn vị thành viên, thuộc và trực thuộc theo tỷ lệ quy định chi tiết tại Phụ lục I Quy chế này.

Thẩm quyền quyết định sử dụng và phân bổ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của ĐHQGHN do Giám đốc ĐHQGHN phê duyệt hằng năm căn cứ vào chiến lược phát triển trung hạn, dài hạn và tình hình thực tế của từng giai đoạn. Ban Tài chính và Đầu tư chịu trách nhiệm tổng hợp dự toán, kế hoạch sử dụng quỹ và tổ chức hậu kiểm, giám sát việc thực hiện theo đúng quy định.

Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của ĐHQGHN do ĐHQGHN quản lý, điều phối tập trung và được ưu tiên sử dụng cho các mục đích sau:

- Đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa lớn các công trình, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và cơ sở vật chất dùng chung trong toàn hệ thống ĐHQGHN;

- Tập trung ưu tiên cho các dự án phát triển cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm trọng điểm, hạ tầng số và các tiện ích công cộng tại Khu đô thị Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc;

- Hỗ trợ cho các chương trình, dự án trọng điểm theo chiến lược phát triển hệ thống nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực công và thúc đẩy sự phát triển bền vững của ĐHQGHN.

c) Quỹ bổ sung thu nhập: Để chi bổ sung thu nhập cho người lao động trong năm và dự phòng chi bổ sung thu nhập cho người lao động năm sau trong trường hợp nguồn thu nhập bị giảm. Việc chi bổ sung thu nhập cho người lao động trong đơn vị được thực hiện theo nguyên tắc gắn với số lượng, chất lượng và hiệu quả công tác;

d) Quỹ khen thưởng: Để thưởng cuối năm, thưởng định kỳ, thưởng đột xuất cho tập thể, cá nhân trong và ngoài đơn vị theo hiệu quả công việc và thành tích đóng góp vào hoạt động của đơn vị. Mức thưởng do Thủ trưởng đơn vị quyết định và được ghi trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị;

đ) Quỹ phúc lợi: Để xây dựng, sửa chữa các công trình phúc lợi của đơn vị; góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng; chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể của người lao động trong đơn vị; trợ cấp khó khăn đột xuất cho người lao động, kể cả trường hợp nghỉ hưu, nghỉ mất sức, hoàn cảnh khó khăn; chi thêm cho người lao động thực hiện tinh giản

biên chế; chi hỗ trợ hoạt động xã hội, từ thiện; giải quyết chế độ, chính sách khi chấm dứt hợp đồng lao động và các khoản chi khác được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị;

e) Các Quỹ khác thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 23. Quy chế chi tiêu nội bộ

1. Các đơn vị thành viên, thuộc và trực thuộc có trách nhiệm xây dựng và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ nhằm thực hiện quyền tự chủ tài chính; bảo đảm quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ và tài sản công đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; khuyến khích người lao động hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

2. Nội dung Quy chế chi tiêu nội bộ cụ thể hóa các chế độ, tiêu chuẩn, định mức và mức chi thống nhất trong nội bộ đơn vị, bảo đảm phù hợp với chế độ tài chính hiện hành và các hạn mức sau đây:

a) Các nội dung chi thường xuyên không giao tự chủ và chi thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ tuân thủ đúng chế độ, định mức do Nhà nước hoặc ĐHQGHN quy định;

b) Bố trí kinh phí học bổng khuyến khích học tập tối thiểu bằng 8% nguồn thu học phí; bảo đảm đầy đủ các khoản chi miễn, giảm học phí và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên theo quy định của Nhà nước;

c) Chi đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học công nghệ tối thiểu bằng 5% từ nguồn thu học phí (đối với cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu trích tối thiểu bằng 8% từ nguồn thu học phí);

d) Quy định cụ thể mức thù lao, chi phí làm việc của Ban Giám đốc, Ban Giám hiệu, Ban Lãnh đạo các đơn vị và cơ chế chi trả thu nhập tăng thêm gắn liền với vị trí việc làm và chỉ số đánh giá hiệu suất công việc (KPIs).

3. Quy trình ban hành:

a) Quy chế chi tiêu nội bộ cần được tổ chức thảo luận rộng rãi, dân chủ, công khai trong đơn vị và có ý kiến thống nhất của tổ chức công đoàn; báo cáo ĐHQGHN trước khi ban hành;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ dự thảo Quy chế chi tiêu nội bộ và hồ sơ kèm theo của đơn vị, ĐHQGHN có trách nhiệm xem xét, có ý kiến bằng văn bản yêu cầu đơn vị điều chỉnh lại các nội dung chi chưa phù hợp với quy định của pháp luật (nếu có). Sau thời hạn nêu trên, nếu ĐHQGHN không có ý kiến, Thủ trưởng đơn vị ký ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ để triển khai thực hiện; đồng thời gửi ĐHQGHN để theo dõi, giám sát thực hiện và kho bạc nhà nước nơi đơn vị mở tài khoản giao dịch để làm căn cứ kiểm soát chi.

Điều 24. Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật

1. Nguyên tắc xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật:

a) Định mức kinh tế - kỹ thuật là cơ sở, căn cứ để Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) phê duyệt đơn giá, giá dịch vụ, dự toán kinh phí cung cấp dịch vụ sử dụng ngân sách nhà nước và phục vụ công tác quản lý kinh tế theo quy định của pháp luật;

b) Việc xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật phải đảm bảo nguyên tắc tính đúng, tính đủ chi phí theo lộ trình, có tích lũy, minh bạch và đảm bảo công bằng về phân bổ nguồn lực giữa các đơn vị;

c) Việc xây dựng Định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp xác định giá dịch vụ giáo dục, đào tạo phải đảm bảo tính đúng, tính đủ một cách khoa học, trong đó định mức lao động phải dựa trên thời lượng thực tế của học phần, các yếu tố đặc thù (như ngoại ngữ, số lượng người học) chỉ được tính vào đơn giá tiền lương, tuyệt đối không tự ý nhân hệ số quy đổi làm tăng khối lượng giờ giảng chuẩn;

d) Định mức kinh tế - kỹ thuật do các đơn vị thành viên, đơn vị thuộc và trực thuộc chủ trì xây dựng và áp dụng trong phạm vi đơn vị sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Các hoạt động xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm:

a) Học phí các chương trình đào tạo (chương trình đào tạo chuẩn, chương trình liên kết, chương trình chất lượng cao);

b) Hoạt động tổ chức giảng dạy đối với danh mục các học phần chung¹⁹ trong ĐHQGHN (trừ học phần Giáo dục Quốc phòng – An ninh và Giáo dục thể chất);

c) Các hoạt động, dịch vụ thư viện;

d) Hoạt động đào tạo học phần Giáo dục Quốc phòng - An ninh;

đ) Hoạt động đào tạo học phần Giáo dục thể chất;

e) Hoạt động quản lý, dịch vụ nội trú ký túc xá;

g) Hoạt động dịch vụ để vận hành Khu đô thị ĐHQGHN tại Hòa Lạc và vận hành hệ thống giảng đường tại Hòa Lạc;

h) Hoạt động vận hành cơ sở vật chất dùng chung khu vực ĐHQGHN tại cơ sở 144 Xuân Thủy;

i) Hoạt động cung cấp dịch vụ khoa học công nghệ, chuyển giao thương mại hóa sản phẩm khoa học công nghệ;

k) Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cấp chứng chỉ.

3. Kết cấu của định mức kinh tế - kỹ thuật và tỷ trọng các chi phí:

a) Kết cấu định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các thành phần định mức cơ bản là: định mức lao động, định mức vật tư, định mức trang thiết bị và định mức cơ sở vật chất (cơ sở hạ tầng). Việc xây dựng, thẩm định và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật được thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành hiện hành và các văn bản hướng dẫn của ĐHQGHN;

¹⁹ Khoản 2 Điều 2 Chương I Quyết định số 3626/QĐ-ĐHQGHN ngày 21/10/2022 của Giám đốc ĐHQGHN.

b) Tỷ trọng các chi phí cụ thể: Trong kết cấu định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các hoạt động đào tạo và dịch vụ, các đơn vị phải tuân thủ tỷ trọng quy định đối với các khoản chi phí sau:

- Chi phí khấu hao tài sản cố định trực tiếp phục vụ công tác giảng dạy, đào tạo, cung cấp dịch vụ: Được xác định là 10% trên tổng chi phí đào tạo hoặc cung cấp dịch vụ. Đối với chi phí khấu hao tài sản cố định đã được tính trong định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn vị thực hiện trích nộp về ĐHQGHN phần chi phí khấu hao tương ứng với các tài sản dùng chung của ĐHQGHN tại Khu đô thị Hòa Lạc theo tỷ lệ được quy định; nguồn kinh phí này được quản lý tập trung và sử dụng cho việc đầu tư, sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, thay thế và đầu tư tài sản dùng chung của ĐHQGHN. Chi phí khấu hao đối với tài sản thuộc phạm vi quản lý, sử dụng của đơn vị được để lại tại đơn vị để thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị và tái đầu tư phát triển hoạt động; không sử dụng nguồn kinh phí này để chi thu nhập tăng thêm hoặc các khoản chi không phục vụ mục tiêu duy trì, phát triển tài sản và năng lực hoạt động của đơn vị. Phần chi phí khấu hao tài sản dùng chung của ĐHQGHN được tính trong định mức kinh tế - kỹ thuật là khoản phải nộp về ĐHQGHN. Các đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc thực hiện thanh toán khoản kinh phí này bằng hình thức chuyển khoản qua ngân hàng vào tài khoản của ĐHQGHN. ĐHQGHN thực hiện quản lý tập trung, hạch toán riêng và sử dụng nguồn kinh phí theo đúng mục đích quy định tại Quy chế này.

- Chi phí kiến tạo phát triển hệ thống của ĐHQGHN: Chi phí này được phân bổ vào định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các hoạt động có thu theo nguyên tắc phù hợp, minh bạch và không trùng lặp. Tỷ trọng chi phí được quy định cụ thể từ 0,5% đến 1% đối với khối bệnh viện và từ 2% đến 3% đối với các đơn vị khác thuộc ĐHQGHN. Chi phí này được tính trên tổng chi phí trực tiếp của hoạt động đào tạo, dịch vụ và vận hành trong định mức kinh tế - kỹ thuật (trừ trường hợp đào tạo đại trà theo mức học phí do Nhà nước quy định). Nguồn kinh phí này được quản lý tập trung tại ĐHQGHN và sử dụng cho các nhiệm vụ phát triển hệ thống, bao gồm đầu tư hạ tầng dùng chung, chuyển đổi số, xây dựng và phát triển thương hiệu, kiểm định chất lượng, nâng cao năng lực quản trị, phát triển các nền tảng dùng chung và các nhiệm vụ khác phục vụ sự phát triển bền vững của ĐHQGHN.

c) Khung tỷ lệ chi phí đào tạo: Đối với các chương trình đạt mức kiểm định, cấu trúc chi phí từ học phí (hoặc giá dịch vụ) được thiết lập thành khung tỷ lệ cố định để kiểm soát hệ thống như sau:

- Chi phí trực tiếp (59%): Gồm thù lao giảng dạy trực tiếp của Giảng viên (45%); Chi phí hành chính, quản lý lớp (4%); Quỹ học bổng khuyến khích (8%); Chi phí học liệu, thư viện dùng chung (2%);

- Chi phí cơ sở vật chất và hoạt động khoa học công nghệ (18,0%): Gồm chi phí vận hành, khấu hao giảng đường (10%); Quỹ phát triển Khoa học Công nghệ và đổi mới sáng tạo (8%);

- Chi phí Quản lý hành chính, gián tiếp (23%): Gồm chi phí kiến tạo phát triển hệ thống của ĐHQGHN (2%); Quỹ hỗ trợ người học (3%); và mức trần tối đa cho khối văn phòng gián tiếp của đơn vị là 18%. Nếu đơn vị chi vượt ngưỡng trần 18% này, tuyệt đối không được kết cấu vào giá học phí mà phải dùng nguồn thu hợp pháp khác để bù đắp.

Điều 25. Quản lý tài chính, tài sản tại các đơn vị do ĐHQGHN thành lập giao cho đơn vị thành viên và trực thuộc quản lý

1. Các đơn vị do ĐHQGHN thành lập giao cho đơn vị thành viên và thuộc quản lý là đơn vị thuộc đơn vị dự toán cấp III.

2. Các đơn vị này thực hiện tự chủ tài chính theo cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và quy định của đơn vị quản lý trực tiếp; thực hiện hạch toán kế toán theo hướng dẫn của đơn vị quản lý trực tiếp, theo quy định của ĐHQGHN (nếu có) và theo quy định Nhà nước.

3. Thủ trưởng các đơn vị này chịu trách nhiệm trước pháp luật, đơn vị quản lý trực tiếp và ĐHQGHN về toàn bộ công tác quản lý tài chính, tài sản, sử dụng cơ sở vật chất của đơn vị.

4. Các đơn vị thành viên và thuộc quản lý thống nhất tài sản tại các đơn vị do ĐHQGHN thành lập giao cho đơn vị thành viên và thuộc quản lý theo Quy chế quản lý, sử dụng tài sản của ĐHQGHN và Quy chế quản lý, sử dụng tài sản của đơn vị.

5. Các đơn vị do ĐHQGHN thành lập giao cho đơn vị thành viên và thuộc quản lý có trách nhiệm đầu tư, trang bị, quản lý, sử dụng tài sản phù hợp với các quy định hiện hành, mục đích, công năng, tiêu chuẩn, định mức, quy hoạch và nhu cầu sử dụng, bảo đảm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật; có trách nhiệm ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản của đơn vị; thực hiện các báo cáo liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản đến đơn vị thành viên và thuộc quản lý trực tiếp theo các quy định tại Quy chế quản lý, sử dụng tài sản của ĐHQGHN và quy định của pháp luật có liên quan.

Mục 2: CƠ CHẾ QUẢN LÝ VỐN NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ VÀO DOANH NGHIỆP

Điều 26. Hoạt động liên doanh, liên kết

Theo khoản 1 và khoản 2 Điều 25 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và khoản 17 Điều 1 Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP:

1. Các đơn vị thành viên và thuộc được quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân để hoạt động dịch vụ đáp ứng nhu cầu của xã hội. Việc sử dụng tài sản vào mục đích liên doanh, liên kết phải bảo đảm các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 55 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 và thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017.

2. Để sử dụng tài sản vào mục đích liên doanh, liên kết, các đơn vị thành viên và thuộc xây dựng đề án sử dụng tài sản vào mục đích liên doanh, liên kết trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản. Đối với đơn vị có thành lập Ban giám đốc/Ban giám hiệu ĐHQGHN, đơn vị báo cáo Ban giám đốc/Ban giám hiệu ĐHQGHN thông qua đề án trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 27. Hoạt động chuyển đổi sang mô hình doanh nghiệp

1. Điều kiện chuyển đổi

Các đơn vị thực hiện chuyển thành công ty cổ phần khi đáp ứng đồng thời các điều kiện tại Điều 4 Nghị định số 150/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.

2. Hình thức chuyển đổi

Thực hiện theo Điều 5 Nghị định số 150/2020/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Giữ nguyên vốn nhà nước hiện có tại đơn vị, phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ;

b) Bán một phần vốn nhà nước hiện có tại đơn vị hoặc vừa kết hợp bán một phần vốn nhà nước vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.

3. Nguyên tắc xử lý tài chính, xác định giá trị đơn vị

Đơn vị thành viên và thuộc khi thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần phải thực hiện xử lý tài chính, xác định giá trị đơn vị theo nguyên tắc được quy định tại Điều 3 Thông tư số 111/2020/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về xử lý tài chính, xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập, bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.

4. Theo Điều 23 Nghị định số 150/2020/NĐ-CP: Vốn nhà nước của đơn vị để chuyển thành công ty cổ phần là giá trị phần kinh phí NSNN hoặc có nguồn gốc từ NSNN và các nguồn quỹ thuộc sở hữu nhà nước tại đơn vị được xác định bằng giá trị thực tế của đơn vị trừ (-) các khoản nợ thực tế phải trả, Quỹ khen thưởng, phúc lợi, số dư Quỹ bổ sung thu nhập chia cho người lao động của đơn vị sự nghiệp công lập, các khoản vốn góp của các tổ chức, cá nhân. Trong đó, nợ thực tế phải trả là tổng giá trị các khoản nợ phải trả trừ (-) các khoản nợ không phải thanh toán.

5. Thực hiện công khai, minh bạch thông tin

Đơn vị thành viên và thuộc khi chuyển đổi phải thực hiện công bố công khai thông tin về quá trình chuyển đổi thành công ty cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Nghị định số 150/2020/NĐ-CP.

Điều 28. Hoạt động thành lập doanh nghiệp

1. ĐHQGHN và các đơn vị thành viên và thuộc được quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm thành lập doanh nghiệp thuộc theo quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Việc thành lập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Việc thành lập doanh nghiệp chỉ được thực hiện khi phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và chiến lược phát triển của ĐHQGHN, bảo đảm gắn kết với mục tiêu đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao tri thức và phục vụ cộng đồng.

2. Nguyên tắc đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp được thực hiện theo Điều 5 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2025 và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp được thực hiện theo Điều 10 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2025 và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Mục 3: LẬP VÀ CHẤP HÀNH DỰ TOÁN NSNN

Điều 29. Căn cứ lập dự toán ngân sách

1. Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính về việc lập dự toán ngân sách.
2. Chiến lược, kế hoạch phát triển tổng thể và nhiệm vụ cụ thể của năm kế hoạch.
3. Các văn bản luật: Ngân sách nhà nước, thuế, phí, lệ phí; chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do cấp có thẩm quyền quy định.
4. Tình hình thực hiện chỉ tiêu kế hoạch nhiệm vụ, dự toán ngân sách năm trước và một số năm gần kề.
5. Các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá hiện hành theo từng ngành, lĩnh vực được cấp có thẩm quyền ban hành.

Điều 30. Yêu cầu đối với công tác lập dự toán ngân sách và kế hoạch tài chính

1. Các đơn vị thành viên và thuộc phải thực hiện lập dự toán ngân sách hằng năm và lập kế hoạch tài chính 05 năm.
2. Dự toán ngân sách phải tổng hợp theo từng khoản thu, chi và theo cơ cấu chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi dự trữ quốc gia, chi trả nợ lãi và chi viện trợ, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính, dự phòng ngân sách; phải thể hiện đầy đủ các khoản thu, chi theo đúng biểu mẫu, thời hạn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.
3. Việc lập dự toán ngân sách phải dựa trên cơ sở nhiệm vụ trọng tâm theo chiến lược phát triển của đơn vị, kết quả đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ và dự toán ngân sách năm trước và kết quả thực hiện các mục tiêu khác của đơn vị.
4. Dự toán ngân sách phải đảm bảo tính khả thi cao và sát thực tế; triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phù hợp tiêu chuẩn, chế độ, định mức, đơn giá do cơ quan có thẩm quyền quy định.

5. Dự toán ngân sách phải kèm theo báo cáo thuyết minh để làm rõ các căn cứ tính toán và lập dự toán.

6. Hằng năm, căn cứ vào dự toán thu, chi do đơn vị lập, ĐHQGHN có trách nhiệm xem xét, tổng hợp gửi các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, giao dự toán ngân sách để thực hiện trong năm tài chính theo quy định của pháp luật về NSNN.

Điều 31. Quy trình lập dự toán

1. Trên cơ sở quy định của pháp luật về NSNN, về quản lý, sử dụng tài sản và các văn bản hướng dẫn, các văn bản pháp luật có liên quan; các Nghị quyết của Trung ương, Bộ Chính trị và Quốc hội; nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN và chính sách, chế độ, định mức chi NSNN; các đề án, nhiệm vụ theo phê duyệt của ĐHQGHN xây dựng dự toán chi thường xuyên chi tiết theo từng lĩnh vực chi, đảm bảo đáp ứng các nhiệm vụ chính trị quan trọng, thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ Nhà nước đã ban hành.

2. Quy trình lập dự toán thực hiện theo quy định của Giám đốc ĐHQGHN ban hành quy trình xây dựng và giao dự toán NSNN tại ĐHQGHN và các quy định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

3. Quy trình xây dựng dự toán đối với các nhiệm vụ chuyên môn:

- Đối với nhiệm vụ do ĐHQGHN đặt hàng: Đơn vị được giao nhiệm vụ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Ban chức năng liên quan để xây dựng thuyết minh và dự toán chi tiết; gửi hồ sơ về Ban Tài chính và Đầu tư để thẩm định về tính pháp lý và định mức tài chính trước khi trình Giám đốc ĐHQGHN phê duyệt chính thức làm căn cứ thực hiện.

- Đối với nhiệm vụ do đơn vị chủ động đề xuất: Đơn vị căn cứ chiến lược phát triển và nguồn lực để xây dựng kế hoạch và dự toán

- Trước khi Thủ trưởng đơn vị phê duyệt theo thẩm quyền phân cấp, đơn vị phải gửi văn bản xin ý kiến về chủ trương và sự phù hợp chuyên môn của ĐHQGHN thông qua Ban Tài chính và Đầu tư

- Sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản, đơn vị hoàn thiện quyết định phê duyệt và tập hợp các nhiệm vụ này vào dự toán ngân sách hàng năm của đơn vị để gửi về ĐHQGHN (qua Ban TC&ĐT) tổng hợp theo quy định

Điều 32. Phân bổ và giao dự toán

1. Sau khi được Chính phủ giao dự toán ngân sách, ĐHQGHN thực hiện phân bổ và giao dự toán ngân sách cho các đơn vị thành viên và thuộc, gửi cơ quan tài chính cùng cấp, đồng thời gửi kho bạc nhà nước nơi giao dịch để thực hiện.

2. Việc phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị sử dụng ngân sách phải bảo đảm:

a) Đúng với dự toán ngân sách được giao cả về tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ thu, chi được giao;

b) Đúng chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi;

c) Phân bổ đủ vốn, kinh phí để thu hồi các khoản đã ứng trước dự toán đến hạn thu hồi trong năm, vốn đối ứng các dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) của các nhà tài trợ nước ngoài theo cam kết;

d) Đối với phân bổ vốn đầu tư phát triển phải bảo đảm các yêu cầu theo quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Đối với phân bổ các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới phải bảo đảm đúng mục tiêu, đúng đối tượng và thực hiện đúng các cam kết hoặc quy định về bố trí ngân sách địa phương cho mục tiêu đó.

Mục 4: KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN VÀ QUYẾT TOÁN NSNN

Điều 33. Hoạt động kế toán

1. Các đơn vị thành viên và trực thuộc thực hiện chế độ kế toán hành chính sự nghiệp và tuân thủ các theo quy định của pháp luật; phải mở sổ sách kế toán theo dõi chi tiết cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN theo nhiệm vụ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao và cung cấp dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng NSNN theo nhu cầu xã hội.

Trường hợp đơn vị nhóm 1 xây dựng đề án quản lý, kế toán theo mô hình doanh nghiệp và được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì được áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Các đơn vị thành viên và trực thuộc có trách nhiệm theo dõi thu chi cho từng dự án, từng hoạt động của đơn vị, thực hiện hạch toán, quyết toán đầy đủ, kịp thời vào ngân sách đúng quy định. Các khoản thu, chi của ngân sách năm nào thì quyết toán vào thu, chi ngân sách năm đó.

3. Căn cứ tình hình thực tế của các đơn vị, việc tổ chức bộ máy kế toán tại đơn vị do cơ quan có thẩm quyền thành lập đơn vị quyết định đảm bảo phù hợp và đáp ứng yêu cầu tinh gọn bộ máy kế toán.

Điều 34. Báo cáo tài chính và báo cáo quản trị

1. Lập báo cáo tài chính: Cuối niên độ kế toán, các đơn vị thành viên và trực thuộc thực hiện khóa sổ kế toán theo chế độ. Trước khi khóa sổ kế toán, phải tổ chức kiểm kê tài sản cố định, công cụ dụng cụ, các khoản phải thu, phải trả, các khoản tiền mặt, tiền gửi...đồng thời tiến hành đối chiếu số liệu với các kho bạc, ngân hàng; đối chiếu công nợ với cá nhân và đơn vị liên quan. Các đơn vị thành viên và thuộc thực hiện lập báo cáo tài chính riêng, báo cáo tài chính tổng hợp gửi ĐHQGHN và cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan theo quy định của pháp luật và của ĐHQGHN.

Đối với các đơn vị dự toán cấp III được Giám đốc ĐHQGHN giao quản lý các đơn vị do ĐHQGHN thành lập: Thực hiện lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của pháp luật hiện hành về hướng dẫn lập báo cáo tài chính hợp nhất của đơn vị kế toán, hành chính sự nghiệp.

2. Báo cáo tài chính gồm: Báo cáo tình hình tài chính; Báo cáo kết quả hoạt động; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Thuyết minh báo cáo tài chính; các báo cáo khác theo quy định của pháp luật.

3. ĐHQGHN tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên và trực thuộc, lập và nộp báo cáo tài chính tổng hợp của ĐHQGHN cho cơ quan tài chính và kho bạc nhà nước theo quy định.

4. Lập báo cáo quản trị: Các đơn vị thành viên và trực thuộc thực hiện lập báo cáo quản trị theo cùng niên độ với báo cáo tài chính và gửi về ĐHQGHN cùng thời điểm với báo cáo tài chính. Báo cáo quản trị cung cấp các thông tin về tình hình tài chính, hoạt động, hiệu quả sử dụng nguồn lực và các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ của đơn vị. Nội dung và hình thức báo cáo quản trị thực hiện theo quy định của ĐHQGHN.

Điều 35. Quyết toán ngân sách

1. Lập quyết toán NSNN: Các đơn vị thành viên và thuộc lập quyết toán thu, chi ngân sách hằng năm của đơn vị mình gửi ĐHQGHN.

2. Lập quyết toán NSNN đối với các chương trình, dự án đầu tư phát triển, các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia:

- Khi kết thúc năm ngân sách, các đơn vị thành viên và trực thuộc phải báo cáo quyết toán nguồn vốn sử dụng, quyết toán nguồn vốn NSNN, tình hình sử dụng vốn và giá trị khối lượng hoàn thành đã được quyết toán trong năm, gửi cơ quan thanh toán vốn đầu tư phát triển, ĐHQGHN và cơ quan tài chính cùng cấp.

- Khi chương trình, dự án hoàn thành phải lập báo cáo quyết toán toàn bộ nguồn vốn, quyết toán nguồn vốn NSNN kèm theo báo cáo thuyết minh tình hình sử dụng vốn gửi cơ quan thanh toán vốn đầu tư phát triển và ĐHQGHN xét duyệt báo cáo quyết toán công trình đầu tư phát triển, chương trình, dự án theo chế độ quy định.

3. ĐHQGHN thực hiện xét duyệt, ra thông báo xét duyệt quyết toán đối với các đơn vị thành viên và trực thuộc và tổng hợp Báo cáo quyết toán NSNN của ĐHQGHN theo đúng quy định của pháp luật về NSNN và chế độ kế toán hành chính sự nghiệp; trình cơ quan quản lý có thẩm quyền xem xét và phê duyệt Báo cáo quyết toán NSNN của ĐHQGHN.

4. Việc xét duyệt quyết toán được thực hiện theo các nội dung sau đây:

- Xét duyệt thu, chi phát sinh tại đơn vị bảo đảm các điều kiện thu, chi theo quy định của pháp luật về NSNN và phải hạch toán theo đúng pháp luật về kế toán, đúng mục lục NSNN, đúng niên độ ngân sách;

- Số liệu trong báo cáo quyết toán phải khớp đúng với số liệu trong sổ kế toán và số liệu xác nhận của Kho bạc Nhà nước.

5. Các đơn vị thành viên và trực thuộc thực hiện xét duyệt, ra thông báo xét duyệt quyết toán đối với các trung tâm, đơn vị thuộc hạch toán độc lập (nếu có).

Điều 36. Hoạt động kiểm toán

1. Đơn vị nhóm 1 và nhóm 2: có tổng quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương của số người lao động hiện có (bao gồm: số biên chế có mặt, lao động hợp đồng theo quy định Nhà nước) trong một năm từ 20 tỷ đồng trở lên hoặc sử dụng từ 200 người lao động trở lên phải thực hiện công tác kiểm toán nội bộ và thực hiện xây dựng, ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ theo quy định.

2. ĐHQGHN thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ của ĐHQGHN hoặc của các chương trình, dự án có quy mô lớn do ĐHQGHN làm chủ chương trình/dự án nhằm đảm bảo giám sát chặt chẽ các quy trình tài chính, quản lý và kiểm soát rủi ro liên quan đến chương trình, dự án.

3. ĐHQGHN có thể quyết định việc sử dụng dịch vụ kiểm toán nội bộ, kiểm toán độc lập trong trường hợp cần thiết để có thêm căn cứ cho việc xem xét ra quyết định.

Điều 37. Công khai tài chính

1. Đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện công khai tài chính trong nội bộ và công khai tài chính đối với bên ngoài đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin tài chính hằng năm theo quy định.

2. Đơn vị trách nhiệm giải trình về các vấn đề tài chính theo yêu cầu của các bên liên quan phù hợp với quy định hiện hành.

3. Hình thức công khai tài chính:

- a) Phát hành văn bản báo cáo, giải trình gửi cho các bên liên quan;
- b) Đăng tải thông tin, tài liệu công khai trên các phương tiện điện tử;
- c) Thông tin, tài liệu công khai trong các phiên họp, hội nghị... của đơn vị;
- d) Các hình thức công khai khác theo quy định của pháp luật.

4. Việc công khai tài chính phải đảm bảo yêu cầu bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định hiện hành.

Điều 38. Giám sát tài chính

1. Bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện giám sát việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của ĐHQGHN; bảo đảm việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công khai, minh bạch tuân thủ pháp luật và quy định của ĐHQGHN.

2. Giám đốc/ Ban Giám hiệu trường của các đơn vị thành viên và trực thuộc thực hiện giám sát việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của các đơn vị; bảo đảm việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công khai, minh bạch, tuân thủ pháp luật, quy định của ĐHQGHN và quy định của đơn vị.

3. Nội dung giám sát tài chính bao gồm:

- a) Giám sát việc lập và thực hiện kế hoạch tài chính, dự toán ngân sách;
- b) Giám sát việc quản lý, sử dụng tài sản và các nguồn lực tài chính;
- c) Đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động của đơn vị;

d) Kiến nghị, đề xuất biện pháp khắc phục hạn chế, tồn tại nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài chính, tài sản và bảo đảm hoàn thành mục tiêu, kế hoạch, nhiệm vụ được giao.

4. Việc giám sát tài chính được thực hiện thông qua hình thức báo cáo, chất vấn và các hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV: KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 39. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Đơn vị, tổ chức, cá nhân hoàn thành tốt công tác quản lý, sử dụng tài chính sẽ được khen thưởng theo quy định của ĐHQGHN.

2. Đơn vị, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy chế này, tùy thuộc vào tính chất và mức độ vi phạm sẽ xử lý hành chính, xử lý kỷ luật hoặc bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật và quy định của ĐHQGHN.

3. Thẩm quyền, thủ tục và nội dung, mức độ xử lý vi phạm được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 40. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành từ ngày được Giám đốc ĐHQGHN ký ban hành.

2. Phó Giám đốc ĐHQGHN phụ trách mảng tài chính, tài sản, đầu tư xây dựng chịu trách nhiệm chỉ đạo phổ biến, quán triệt, hướng dẫn triển khai thực hiện, giám sát thực hiện quy chế này trong phạm vi toàn ĐHQGHN và đề xuất điều chỉnh, sửa đổi quy chế theo nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc được quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của ĐHQGHN.

3. Thủ trưởng các đơn vị thành viên, trực thuộc và thuộc chịu trách nhiệm phổ biến, quán triệt, hướng dẫn, triển khai thực hiện trong phạm vi của đơn vị về nội dung của quy chế này để chấp hành thực hiện; thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất tình hình quản lý, sử dụng tài chính, thực hiện chế độ kế toán theo quy định.

4. Ban Tài chính và Đầu tư có trách nhiệm hướng dẫn tổ chức thực hiện và quản lý thống nhất tài chính, kế toán, tài sản đã được phân cấp quản lý và đúng quy định của Nhà nước; tổng hợp phản ánh bằng văn bản những phát sinh vướng mắc của các đơn vị báo cáo Giám đốc ĐHQGHN xem xét quyết định.

5. Các nội dung chưa được quy định trong quy chế này, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao Giám đốc ĐHQGHN, Thủ trưởng các đơn vị thành viên và thuộc quản lý, điều hành, sử dụng và chia sẻ nguồn lực tài chính, tài sản phù hợp với tình hình thực tế, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả tuân thủ quy định của pháp luật về NSNN, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản và pháp luật có liên quan.

Điều 41. Điều khoản chuyển tiếp

1. Quy chế này thay thế Quyết định số 1721/QĐ-ĐHQGHN ngày 12/5/2015 của Giám đốc ĐHQGHN về việc ban hành Quy định phát triển, quản lý và sử dụng nguồn thu bổ sung Ngân sách nhà nước cấp trong toàn Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Đối với nguồn kinh phí trích nộp năm 2025 về Đại học Quốc gia Hà Nội và Trung tâm Thư viện và Tri thức số thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1721/QĐ-ĐHQGHN ngày 12/5/2015 của Giám đốc ĐHQGHN.

Điều 42. Điều khoản sửa đổi

1. Trong quá trình thực hiện, quy chế này sẽ được xem xét và điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tế.

2. Trong trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại quy chế này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có vướng mắc, đề nghị các đơn vị thành viên và thuộc phản ánh kịp thời để ĐHQGHN nghiên cứu, hướng dẫn hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

PHỤ LỤC I: PHÂN PHỐI KẾT QUẢ TÀI CHÍNH TRONG NĂM

Nội dung	Đơn vị nhóm 1	Đơn vị nhóm 2	Đơn vị tự bảo đảm từ 70% đến dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị tự bảo đảm từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên
Trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp (Quỹ PTHĐSN)	Tối thiểu 25%	Tối thiểu 25%	Tối thiểu 20%	Tối thiểu 15%	Tối thiểu 10%
Tỷ lệ trích Quỹ PTHĐSN của đơn vị và Quỹ PTHĐSN của ĐHQGHN được quy định như sau:					
<i>Đối với Trường đại học thành viên, Viện nghiên cứu thành viên, Bệnh viện và cơ sở y tế trực thuộc</i>					
- ĐHQGHN	30% Quỹ trích lập được chuyển về ĐHQGHN	30% Quỹ trích lập được chuyển về ĐHQGHN	30% Quỹ trích lập được chuyển về ĐHQGHN	30% Quỹ trích lập được chuyển về ĐHQGHN	30% Quỹ trích lập được chuyển về ĐHQGHN
- Các đơn vị	70% Quỹ trích lập được giữ lại đơn vị	70% Quỹ trích lập được giữ lại đơn vị	70% Quỹ trích lập được giữ lại đơn vị	70% Quỹ trích lập được giữ lại đơn vị	70% Quỹ trích lập được giữ lại đơn vị
Trung tâm đơn vị dịch vụ - phục vụ là các đơn vị trực thuộc ĐHQGHN					
- ĐHQGHN	70% Quỹ trích lập được chuyển về ĐHQGHN	70% Quỹ trích lập được chuyển về ĐHQGHN	70% Quỹ trích lập được chuyển về ĐHQGHN	70% Quỹ trích lập được chuyển về ĐHQGHN	70% Quỹ trích lập được chuyển về ĐHQGHN
- Các đơn vị	30% Quỹ trích lập được chuyển về đơn vị	30% Quỹ trích lập được chuyển về đơn vị	30% Quỹ trích lập được chuyển về đơn vị	30% Quỹ trích lập được chuyển về đơn vị	30% Quỹ trích lập được chuyển về đơn vị

Nội dung	Đơn vị nhóm 1	Đơn vị nhóm 2	Đơn vị tự bảo đảm từ 70% đến dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị tự bảo đảm từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên
Đối với Trường thuộc					
- ĐHQGHN	100% quỹ trích lập được chuyển về ĐHQGHN	100% quỹ trích lập được chuyển về ĐHQGHN	100% quỹ trích lập được chuyển về ĐHQGHN	100% quỹ trích lập được chuyển về ĐHQGHN	100% quỹ trích lập được chuyển về ĐHQGHN
Đối với các đơn vị cung cấp dịch vụ					
- ĐHQGHN	70% Quỹ trích lập được chuyển về ĐHQGHN	70% Quỹ trích lập được chuyển về ĐHQGHN	70% Quỹ trích lập được chuyển về ĐHQGHN	70% Quỹ trích lập được chuyển về ĐHQGHN	70% Quỹ trích lập được chuyển về ĐHQGHN
- Các đơn vị	30% Quỹ trích lập được giữ lại đơn vị	30% Quỹ trích lập được giữ lại đơn vị	30% Quỹ trích lập được giữ lại đơn vị	30% Quỹ trích lập được giữ lại đơn vị	30% Quỹ trích lập được giữ lại đơn vị
Trích lập Quỹ bổ sung thu nhập và chi thu nhập tăng thêm	Tự quyết định mức trích (không chế mức trích)	Tối đa không quá 03 lần quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp lương do Nhà nước quy định, tiền lương theo hợp đồng lao động (nếu có)	Tối đa không quá 02 lần quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp lương do Nhà nước quy định và tiền lương theo hợp đồng lao động (nếu có)		
Trích lập Quỹ bổ sung thu nhập và chi	Không trích lập quỹ khi đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo kết quả hoạt động		0,8 lần quỹ lương cơ bản	0,5 lần quỹ lương cơ bản	0,3 lần quỹ lương cơ bản

Nội dung	Đơn vị nhóm 1	Đơn vị nhóm 2	Đơn vị tự bảo đảm từ 70% đến dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị tự bảo đảm từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên
thu nhập tăng thêm (khi chế độ tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW có hiệu lực thi hành)	của đơn vị như doanh nghiệp nhà nước				
Trích lập Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi		Tổng hai quỹ tối đa không quá 3 tháng tiền lương và thu nhập tăng thêm bình quân thực hiện trong năm của đơn vị	Tổng hai quỹ tối đa không quá 2,5 tháng tiền lương và thu nhập tăng thêm bình quân thực hiện trong năm của đơn vị	Tổng hai quỹ tối đa không quá 2 tháng tiền lương và thu nhập tăng thêm bình quân thực hiện trong năm của đơn vị	Tổng hai quỹ tối đa không quá 1,5 tháng tiền lương và thu nhập tăng thêm bình quân thực hiện trong năm của đơn vị
Trích lập quỹ khác	Theo quy định của pháp luật				